**NỘI DUNG TRỌNG TÂM ÔN TẬP KIỂM TRA LẠI**

**MÔN TIẾNG ANH 8 - NĂM HỌC 2020 - 2021**

**Multiple choice: 10 câu (2.5pts)**

- Các Units 12,13,14,15 trong sách giáo khoa khối 8 (bao gồm những từ loại cùng gốc, đồng nghĩa, phản nghĩa,)

**Signs/ Warnings/ Notice: 2 câu (0.5pts)**

Stay safe in the middle of disease - Recycling

**Guided cloze (1.5pts)**

Wonders of the world

**Reading comprehension (1.5pt)**

Environment - Festival

**Word form: 6 câu (1.5pts)**

 - 2 adverb “-ly” (vị trí đầu câu, vị trí cuối câu, trước và sau động từ)

 - 2 noun 🡪biến đổi từ Adjective, Verb

 - 2 Adj (verb ing./ ed) or participle phrases.

 - Tenses: Present Perfect / Simple Past

 - Passive voice

|  |  |
| --- | --- |
| 1. attract (v): thu hút (ai/cái gì)
* attraction (n): sự thu hút
* attractive (a): tính thu hút
* attractively (adv)
 | 8. design (v): thiết kế* designer (n): nhà thiết kế
 |
| 1. injure (v): làm tổn thương
* injury (n): vết thương
* injured (a): bị thương
 | 9. celebrate (v): ăn mừng* celebration (n): sự ăn mừng
 |
| 1. fertilize (v): bón phân
* fertilizer (n): phân bón
 | 10. decorate (v): trang trí* decoration (n): sự trang trí
 |
| 4. describe (v): miêu tả * description (n): sự miêu tả
 | 11. represent (v): đại diện* representative (n): người đại diện
 |
| 5. inform (v): thông báo* information (n): thông tin
* informative (a): giàu thông tin
* informatively (adv)
 | 12. wonder (n): kì quan* wonderful (a): tuyệt vời
* wonderfully (adv)
 |
| 6. recycle (v): tái chế🡪 recycling (n): sự tái chế* recycled (a): được tái chế
 | 13. sightsee (v): tham quan* sightseeing (n): sự tham quan
* sightseer (n): người tham quan
 |
| 7. tour (n)* tourist (n): người tham quan
 | 14. nature (n): thiên nhiên🡪 natural (a): tự nhiên |

**Rearrange the words and phrases in the correct order: 2 câu (0.5pts)**

Present perfect, Simple past , Passive voice, suggestions

**Transformation: 4 câu (2.0pts)**

 - Participle Phrases

 - Reported speech

 - Compound words

 - Adverb time Phrases

**GRAMMAR**

**I/ Passive voice** be + P.P (V3 / V-ed)

Ex: Hoa break the glass.

 S V O

🡪The glass is broken by Hoa.

 Present simple: *is/am/are + P.P (V3/ed)*

 Past simple: *was/were + P.P (V3/ed)*

Future simple: *will be + P.P (V3/ed)*

Present perfect: *have/has been + P.P (V3/ed)*

Modal verb: *modal verb (must, can, may, have to, should…) + be + P.P (V3/ed)*

Note : Riêng chủ ngữ là He, She, people… chỉ chung chung thì bỏ “by…”

* Nơi Chốn – by – Thời Gian, nơi chốn để trước “by”, thời gian để sau “by”.

**II/ Past continuous and Simple past**

1. Tại 1 thời điểm xác định trong quá khứ -> Past continuous

Ex: Ba **was taking** shower at 8 o’clock last night.

1. Hai hành động diễn ra song song -> Past continuous

Ex: I **was cooking** dinner while he **was feeding** the cat

1. Một hành động đang diễn ra (dùng Past continuous) có hành động khác cắt ngang (dùng Simple past)

 Ex: When I **was sleeping**, the cat **jumped** onto my bed.

* **Adverb time Phrases: During + time …, S + V2 / V-ed.**

Ex: During my lunch time, the telephone rang.

* While I was eating / having lunch, the telephone rang.

**III/ Reported speech**

1. ***Statement***

🡪 **A ( chủ từ thứ 1) + said ( that) + A ( chủ từ thứ 1) + Verb ( lùi thì)**

**🡪 A ( chủ từ thứ 1) + told + B( chủ từ thứ 2) ( that) + B( chủ từ thứ 2) + Verb ( lùi thì)**

Note: **“ đổi chủ ngữ, động từ lùi thì”**

**Ex**: Hoa said “**I** *am* a student”

* Hoa said (that) **she** *was* a student.

**Ex:** Her mom said “**You** must go home now”

* Her mom said (that) **she** had to go home then.
1. ***Yes/No questions***

🡪 **A asked B + if / whether + B + Verb ( lùi thì)**

Note: - bỏ trợ động từ “do, does, did”

* **“ đổi chủ ngữ, động từ lùi thì”**

Nếu không có “do” mà có be ( is / are) , modal verbs ( will / can / may ..) thì lùi trợ động từ/modal verb và để sau chủ ngữ.

**Ex:** She asked Tim “Do **you** like this place?”

* She asked Tim if **he** liked that place.

**Ex:** My mom asked me “Will **you** finish your homework tonight?”

* My mom asked me whether **I** would finish my homework that night.

**Ex**: He asked us “Are **you** students?”

* He asked us if **we** were students.
1. ***Command, Demand***

🡪 **A told B + (not) + to- infinitive**

Note : bỏ “Don’t” thay bằng “not to”. Không có “don’t” thì thêm “to”.

**Ex**: “Don’t park here” - he said.

* He told me not to park there.

**Ex:** “Open the door, please” – the teacher said to us.

* The teacher asked us to open the door.

**IV/ Compound words. a/ an + noun - V-ing + NOUN**

Ex: This is a festival. People have to cook rice in this festival.

* This is a rice – cooking festival. (rice – cooking đóng vai trò tính từ)

 noun + V-ing

**V/ Participle phrase:** phân từ. Hiện tại phân từ và quá khứ phân từ trong bài này có chức năng làm tính từ trong 1 cụm từ bổ nghĩa cho danh từ đứng trước

+ **Present Participle** (hiện tại phân từ): tồn tại dưới dạng **V-ing**, tính từ mang ý nghĩa chủ động

Ex: The boy is Ba. He is reading a book. 🡪 The boy reading a book is Ba.

Note: **bỏ “to be” lấy động từ V–ing để sau chủ ngữ**

+ **Past Participle** (quá khứ phân từ): tồn tại dưới dạng **V3 / V-ed**, tính từ mang ý nghĩa bị động

Ex: The old lamp is 5 dollars. The old lamp is made in China.

* The old lamp made in China is 5 dollars.

Note: **bỏ “to be” lấy động từ V3 / V-ed để sau chủ ngữ**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP**

**I. Choose the word or phrase that best fits the blank space in each sentence.**

1. They are good friends. They…………………….each other for a long time.
2. know B. have known C. knew D. were knowing
3. We were having dinner when the phone………………….. .
4. ring B. rang C. was ringing D. has rung
5. How about……………….to Ben Thanh market?
6. going B. to go C. went D. gone
7. I was reading while my sisters…………………..with their dolls.
8. Played B. were playing C. have played D. would play
9. Mount Rushmore…………….from more than 100 km away.
10. saw B. can see C. was seen D. can be seen
11. What can we do to prevent people…………..throwing drink cans away?
12. in B. on C. at D. from
13. We haven’t seen each other………………last January.
14. for B. since C. on D. in
15. Are you free…………………Tuesday everning?
16. in B. at C. on D. of
17. I’m doing my homework. ………………..turning down your radio a bit?
18. Would you please B. Can you C. Could you D. Would you mind
19. Chicago is……………right on the shore of Lake Michigan.
20. placed B. situated C. laid D. set
21. We are all………………that you passed your English exam. Congratulations!
22. delighted B. relieved C. afraid D. certain
23. Millions of Christmas cards……………………every year.
24. send B. are sent C. are sending D. was sent
25. First prize was awarded……………….Jackie Stevens, the smallest girl on the team.
26. with B. on C. for D. to
27. Jane saw her old friend while she…………………………..the street.
28. crossed B. is crossing C. was crossing D. had crossed
29. He had his father…………………..his Christmas card.
30. decorated B. decorating C. to decorate D. decorate
31. I saw him…………………the flowers in the garden.
32. watering B. to water C. watered D. is watering
33. They tried to make a fire by…………………pieces of bamboo together.
34. adding B. separating C. rubbing D. taking
35. Tom………………his hand when he was cooking the dinner.
36. burnt B. was burning C. has burnt D. burns
37. She asked me…………………a driving licence.
38. if I have B. whether I have C. if I had D. whether I have had
39. The Pyramid of Cheops is one of the seven………………….of the world.
40. pyramids B. temples C. landmarks D. wonders

21. Some \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ can work 50,000 times faster than a man.

A. Library B. computers C. monitor D. people

22. They had their luggage………………by the porter.

A. carry B. carrying C. to carry D. carried

23. In order to keep fit, we should do exercises…………………. .

A. regular B. regularly C. regulating D. regulation

24. Please turn……………….the computer when you’re finished your report.

A. on B. off C. in D. over

25. The printer is………………guarantee so the company will repair it.

A. on B. in C. of D. under

26. Sue had her bike…………………by her father.

A. recycled B. kept C. watched D. fixed

27. Japan has a big……………..industry.

 A. car-making B. car-make C. making-car D. to make – car

28. A \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ is a machine for printing text onto paper.

A. printer B. monitor C. computer D. keyboard

29. During the COVID-19 disease, everyone shouldn’t go out if \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1. Necessary B. unnecessary C. necessarily D. need

**II. Rearrange the words given in the right order and make meaningful sentences.**

1. was pouring / The lava / out when /overhead/ we flew

- ………………………………………………………………………………………...

2. in the / Our accommodation / ticket price / is included/

- …………………………………………………………………………………….….

3. Would you like / in town / with us / to come / while you’re / and stay?

- …………………………………………………………………………………….….

4. rang / while Hoa / The phone / was eating/

- …………………………………………………………………………………….….

5. Thanh / about the heaviness / is always / complaining / of my suitcase /

- …………………………………………………………………………………..…….

6. was practicing / I / when / to / you called / English / me / yesterday //

 - ……………………………………………………………………………….…..……

7. Mai / terrible / was / noise / While / revising / her/ lesson / heard / she / a //

 - ……………………………………………………………………………………..…

8. Le Loi school / will be held / next month / at/ An English – speaking contest //

 - ……………………………………………………………………………………..…

9. was completed / Sydney Opera House/ in 1973//

 - …………………………………………………………………………………..………

10. was presented/ by France/ to the United States/ The statue of liberty/ in 1876.

……………………………………………………………………………………………….

**III. Word form**

1. To share your \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ story with our readers, call 5 265 456. (recycle)
2. The Great Wall of China is one of the \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ of the world. (wonder)
3. This is an interesting and highly \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ book. (inform)
4. A \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ from Friends of the Earth, Ms Blake, is talking to the students. (represent)
5. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_, all the tickets for the show are sold out. (interest)
6. This newspaper is made of \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ paper. (recycle)
7. The weather is \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ and the sun is shining. (wonder)
8. He had his brother \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the house (decorate)
9. Phan Thiet has several \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ resorts along the seashore. (attract)
10. Santa Claus is based on the\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ of Saint Nicholas in a poem.(describe)
11. Compost is one of the most wonderful natural \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_. (fertilize)
12. The ambulance will take the \_\_\_\_\_\_\_\_\_ person to the hospital. ( injury)
13. Be careful! The scissors can \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ you. (injury)
14. The country’s main \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ resources include forests, coal and oil. (nature)
15. Her room is decorated very\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_. (attractive)
16. Hanoi attracts large numbers of \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_. (sightsee)
17. They took us to the city for a\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_. (sightsee)
18. Quang Dang and Hoang Men danced \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ today. (wonder)
19. French cheeses are \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ to many different countries. (export)
20. The cards are \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ wonderfully (designer)
21. There were lively New Year \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ all over town. (celebrate)
22. Da Lat has a lot of \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ attractions. (tour)

**IV. Sentence transformation**

1. It is a contest in which people skate on the ice.
* It is a
1. Our school held a contest in which students have to arrange flowers.
* Our school held a
1. This is a show in which birds sing.
* It is a
1. It’s an animal that eats grass.
* It’s a
1. This is a show in which the animals perform a lot.
* It is a
1. Japan is the country which exports lots of cars.
* Japan is a \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_
1. Bac Giang is a province that grows a lot of lychees.
* Bac Giang is a \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_
1. A lot of people speak English in Australia.
* Australia is an\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_
1. The girl was taken to the hospital. She was injured in the accident.
* They \_\_\_\_\_\_\_\_\_
1. The Audi luxury cars are expensive. They are made in Italy.
* The Audi luxury cars \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_
1. The book was borrowed from the library. It was really old.
* The book \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_
1. The Iphone X is made in the USA. It is expensive and luxurious.
* The Iphone X made \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_
1. The girl is sitting next to the window. Her name is Jenny
* The girl
1. The boy is sitting on a bench. He is Hung.
* The boy
1. Linh said: “I’m decorating my Christmas tree now”.
* Linh said \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_
1. I said: “I want some noodles for this morning, Mom.”
* I told
1. The girl said to me: “Can you take me to the airport? “
* The girl asked me
1. The girl said to Hoa: “Are you a student? “
* The girl asked Hoa
1. “ Do your sisters speak English, Ba?” Nam said
* Nam asked \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_
1. “Is your house far from the city, Ba?” Nam said
* Nam asked \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_
1. My father asked me: “Do you have your lunch?”
* My father asked me
1. She said that: “I do my homework today.”
* She said that \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_
1. We were having dinner when our friends called.
* While
1. My father kept silent during the meal.
* While my father was \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_
1. Nam felt asleep during the meeting.
* While Nam was
1. My grandmother was listening to the weather forecast when I came.
* While
1. During our dinner, someone made some calls for my Dad.
* While \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_